



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CP DIÊM THỐNG NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT

Địa chỉ: Số 670 Ngô Gia Tự - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 38 271 551 Fax: (84-4) 38 271 551

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP DIỄM THÔNG NHẤT



Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 330-12/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Diêm Thống Nhất**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 25/03/2012 của Công ty CP Diêm Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty") từ trang 10 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Với những tài liệu mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thể thu thập được những bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến nhận xét về giá vốn của dịch vụ quảng cáo phát sinh trong kỳ. Theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào đến khoản mục này cũng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

CT
TU H
NH GI
M
HA

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Diêm Thống Nhất giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.




Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Trần Đình Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1788/KTV



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		46.955.828.067	32.661.734.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	4.606.095.464	7.011.078.061
1. Tiền	111		4.606.095.464	2.087.219.830
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.923.858.231
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	5.500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.626.188.657	13.423.071.759
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	18.564.851.622	13.614.936.205
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	2.129.537.389	123.879.043
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3.	142.210.694	167.186.246
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(210.411.048)	(482.929.735)
IV. Hàng tồn kho	140		12.382.721.837	11.248.485.758
1. Hàng tồn kho	141	V.4.	12.382.721.837	11.248.485.758
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.840.822.109	979.099.178
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		892.878.235	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5.	596.691.824	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	2.351.252.050	979.099.178
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		17.149.188.196	10.009.598.559
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.067.486.821	9.774.998.559
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6.	7.138.704.471	9.774.998.559
- Nguyên giá	222		39.028.217.348	41.731.120.494
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.889.512.877)	(31.956.121.935)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	8.928.782.350	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.8.	919.785.885	-
- Nguyên giá	241		4.043.104.033	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.123.318.148)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.	161.915.490	234.600.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		234.600.000	234.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(72.684.510)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		64.105.016.263	42.671.333.315

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011		01/01/2011	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		36.472.111.031		20.370.564.669	
I. Nợ ngắn hạn	310		34.716.830.274		18.416.445.912	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	4.554.348.539		1.011.808.538	
2. Phải trả người bán	312	VIII.2.4	3.879.741.127		3.200.046.116	
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	372.662.874		380.338.646	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	1.398.349.623		420.213.721	
5. Phải trả người lao động	315		9.150.636.253		9.058.476.932	
6. Chi phí phải trả	316	V.12.	461.679.380		46.454.479	
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13.	14.182.796.683		3.639.523.174	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		716.615.795		659.584.306	
II. Nợ dài hạn	330		1.755.280.757		1.954.118.757	
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	458.744.080		918.744.080	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.296.536.677		1.035.374.677	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		27.632.905.232		22.300.768.646	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	27.632.905.232		22.300.768.646	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000		15.719.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		240.000.000		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		114.990.060		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.022.383.332		2.926.558.246	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.511.820.424		1.364.787.278	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.743.711.416		2.290.423.122	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		64.105.016.263		42.671.333.315	

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2012
CÔNG TY CP DIỄM THÔNG NHẤT

Tổng Giám đốc

 Nguyễn Hưng

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	103.618.034.651	92.581.841.934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17.	12.334.802	19.190.894
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.18.	103.605.699.849	92.562.651.040
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	84.761.181.893	75.999.292.231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		18.844.517.956	16.563.358.809
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	667.677.100	704.398.769
7. Chi phí tài chính	22	VI.21.	859.897.539	515.855.410
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		596.714.558	271.670.072
8. Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	6.398.197.313	5.623.610.068
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	8.605.968.218	7.658.392.190
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		3.648.131.986	3.469.899.910
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.8	282.107.304	193.000.000
12. Chi phí khác	32	VIII.2.9	2.011.500	21.456.673
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		280.095.804	171.543.327
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.928.227.790	3.641.443.237
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22.	891.739.775	654.679.707
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.036.488.015	2.986.763.530
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24.	1.607	1.900

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2012
CÔNG TY CP DIỄM THÔNG NHẤT

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hưng

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2011	Năm 2010
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		104.198.785.358	95.059.116.701
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(74.835.977.818)	(62.979.104.674)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.604.800.490)	(18.847.343.305)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(596.714.558)	(269.421.608)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(140.343.172)	(847.160.568)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.285.726.220	1.596.235.953
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.928.081.346)	(10.829.981.132)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.378.594.194	2.882.341.367
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.338.991.497)	(1.295.159.941)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.620.272	160.000.000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.500.000.000)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		394.061.100	264.679.834
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.439.310.125)	(870.480.107)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.596.890.100	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.157.771.739	6.281.259.035
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.075.231.738)	(6.203.450.497)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(85.702.000)	(2.087.346.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.593.728.101	(2.009.537.462)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(2.466.987.830)	2.323.798
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.011.078.061	7.025.194.507
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		62.005.233	(16.440.244)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	4.606.095.464	7.011.078.061

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CP DIỄM THỐNG NHẤT

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Tổng Giám đốc




BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Diêm Thống Nhất, là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất theo Quyết định số 1130 ngày 27/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100544 ngày 02/01/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 21/11/2011 thì vốn Điều lệ của Công ty là **20.000.000.000 VND** (Hai mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ loại hình Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất kinh doanh diêm và giấy;
- Kinh doanh bất động sản;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

Trụ sở Công ty tại: Số 670 Ngô Gia Tự - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp cho kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Theo Nghị quyết số 05/2011/NQHĐQT ngày 29/04/2011 của Hội đồng quản trị Công ty CP Diêm Thống Nhất thì Công ty đã lựa chọn phương án và thực hiện các bước để xây dựng cơ sở sản xuất mới, di dời sản xuất ra khỏi khu vực theo quy hoạch chung của Thành phố Hà Nội. Nhà máy mới được lựa chọn xây dựng tại Cụm Công nghiệp Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần bị lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 và tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 sẽ tăng 114.990.060 VND và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2011 không có số dư.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm 31/12/2011 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Công ty thay đổi tỷ lệ khấu hao trong kỳ đối với nhóm tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 27/03/2008 do khả năng Công ty phải di dời mặt bằng sản xuất hiện tại theo kế hoạch của thành phố Hà Nội về việc quy hoạch đô thị. Theo đó, giá trị khấu hao năm 2008 tăng thêm 957.043.113 đồng, khấu hao năm 2009 tăng thêm là 580.117.395 đồng, khấu hao năm 2010 tăng thêm là 417.943.724 đồng, khấu hao năm 2011 là 81.311.312 đồng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao bất động sản đầu tư*Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

Bất động sản của Công ty là giá trị nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và chi phí liên quan trực tiếp, nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 7 - 15 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi tiền.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty CP Giấy Lửa Việt được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập căn cứ trên cơ sở tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty trên vốn điều lệ và lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty CP Giấy Lửa Việt.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay*Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay*

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần quá lớn cần phải phân bổ cho nhiều kỳ kế toán;

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm: chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; trích trước tiền hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng nhưng chưa có hoá đơn tài chính tại ngày 31/12/2011; trích trước chi phí lãi vay áp dụng đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau, giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại khoản vay dài hạn cá nhân không tính lãi của Mr Poon bằng ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xuất khẩu và doanh thu bán trong nước các thành phẩm, hàng hoá là diêm, giấy vớ, giấy carton; doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản hoạt động, doanh thu dịch vụ điện nước, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ in gia công và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, lao vụ điện nước, quảng cáo, in gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang theo dõi tại Công ty là chi phí trả trước tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp Đa nghề Đông Thọ phục vụ dự án di dời địa điểm sản xuất.

13.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011***(tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Năm 2011, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	1.277.442.166	1.032.236.619
Tiền gửi Ngân hàng	3.328.653.298	1.054.983.211
Tiền VND	2.311.148.429	1.054.978.841
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thành Đô	-	137.195.473
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	2.267.821.491	917.783.368
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa Hà Nội	1.003.470	-
Ngân hàng TMCP Phương Tây - Phòng giao dịch Long Biên	42.323.468	-
Tiền USD	1.017.504.869	4.370
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thành Đô	1.017.504.869	4.370
Các khoản tương đương tiền	-	4.923.858.231
Tiền gửi kỳ hạn 1 tuần tại Ngân hàng Công thương khu vực Chương Dương	-	2.923.858.231

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Công thương khu vực Chương Dương	-	2.000.000.000
Tổng cộng	4.606.095.464	7.011.078.061
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
	31/12/2011	01/01/2011
	Số lượng	Giá trị
	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	-	5.500.000.000
Tiền gửi VND (*)	-	5.500.000.000
<i>(*) Tiền gửi kỳ hạn 4 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.</i>		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Phải thu về BHYT, BHXH, BHYTN</i>	121.828.672	167.186.246
<i>Phải trả về cổ phần hóa</i>	20.382.022	-
Tổng cộng	142.210.694	167.186.246
4. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên vật liệu	10.132.698.340	8.592.115.705
Công cụ dụng cụ	400.404.545	138.126.953
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.197.748.781	486.855.315
Thành phẩm tồn kho	605.609.525	2.031.387.785
Hàng hoá	46.260.646	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.382.721.837	11.248.485.758
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	596.691.824	-
Tổng cộng	596.691.824	-

CÔNG TY CP DIỆM THÔNG NHẤT

Địa chỉ: Số 670 Ngõ Gia Tự - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội
Tel: (84-4) 62 610 059 Fax: (84-4) 38 271 551

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2011

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2011	16.042.780.039	21.053.089.206	4.524.756.444	110.494.805	41.731.120.494	
- Mua trong năm	-	789.100.873	526.581.001	76.827.273	1.392.509.147	
- Tăng do XDCB hoàn thành	(4.043.104.033)	-	-	-	(4.043.104.033)	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	(24.768.000)	(27.540.260)	(52.308.260)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.026.569.445	159.781.818	39.028.217.348	
Số dư ngày 31/12/2011	11.999.676.006	21.842.190.079	5.026.569.445	159.781.818	39.028.217.348	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2011	13.471.140.110	15.700.561.878	2.736.171.252	48.248.695	31.956.121.935	
- Khấu hao trong năm	507.335.436	1.976.516.639	594.601.216	28.552.559	3.107.005.850	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.123.318.148)	-	-	-	(3.123.318.148)	
- Giảm khác	-	-	(24.768.000)	(25.528.760)	(50.296.760)	
Số dư ngày 31/12/2011	10.855.157.398	17.677.078.517	3.330.772.468	76.801.254	31.889.512.877	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2011	2.571.639.929	5.352.527.328	1.788.585.192	62.246.110	9.774.998.559	
Tại ngày 31/12/2011	1.144.518.608	4.165.111.562	1.695.796.977	82.980.564	7.138.704.471	

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.655.740.830 VND

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.367.324.737 VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án di chuyển địa điểm Công ty	8.928.782.350	-
Tổng cộng	8.928.782.350	-

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
Nguyên giá	-	4.043.104.033	-	4.043.104.033
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	4.043.104.033	-	4.043.104.033
Giá trị hao mòn lũy kế	-	3.123.318.148	-	3.123.318.148
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	3.123.318.148	-	3.123.318.148
Giá trị còn lại	-	919.785.885	-	919.785.885
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	919.785.885	-	919.785.885

Tiền Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư là 4.919.741.739 VND. Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 2.114.494.086 VND

9. Đầu tư dài hạn	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác	23.460	234.600.000	23.460	234.600.000
Công ty CP Lửa Việt	23.460	234.600.000	23.460	234.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(72.684.510)		-
Tổng cộng	23.460	161.915.490	23.460	234.600.000

10. Vay và nợ ngắn hạn	Lãi suất (%/năm)	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>		4.554.348.539	1.011.808.538
Vay ngắn hạn VND			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (*)	20,50%	2.535.387.470	1.011.808.538
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (**)	15,00%	1.276.866.163	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Vay ngắn hạn USD			
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thành Đô (***)	15,70%	742.094.906	-
Tổng cộng		4.554.348.539	1.011.808.538

(*) Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01-2011/NHHTMCPCTCD-CTYDN ngày 15/06/2011 lãi suất 20,5%/năm với khoản vay là VND và 7,3%/năm đối với khoản vay USD, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Tài khoản thấu chi mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/BIDV-DTN ngày 15/10/2011 với lãi suất thấu chi là 15% từ ngày 15/10/2011 đến ngày 15/01/2012

(***) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/463 ngày 31/03/2011, lãi suất theo từng lần nhận nợ, tài sản đảm bảo là: dây chuyền làm bìa carton sóng đồng bộ, máy in tực động 16 trang hai màu nhãn hiệu KOMORI-LITHORNE-240, 05 máy lồng hộp và 05 máy vỏ bao, máy bỏ rãnh mực in 03 màu, máy dân hộp giấy bán tự động, máy nâng hàng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT	568.783.014	342.025.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	827.276.804	75.880.201
Thuế thu nhập cá nhân	2.289.805	2.308.405
Tổng cộng	1.398.349.623	420.213.721
12. Chi phí phải trả		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	46.454.479
Chi phí lãi vay phải trả	2.336.000	-
Tiền ăn ca phải trả	71.805.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Huyện Linh	5.736.000	-
Điện lực Long Biên	381.802.380	-
Tổng cộng	461.679.380	46.454.479
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	487.409.522	352.905.340
Bảo hiểm y tế	14.544.329	18.144.329
Phải trả về cổ phần hóa	-	139.704.978

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Phải trả, phải nộp khác		13.636.054.293	3.076.950.990
<i>Trường mầm non Thống Nhất</i>		1.035.146.279	666.972.276
<i>Công ty TNHH Sản xuất thương mại Trác Việt</i>		8.475.000	8.475.000
<i>Nguyễn Trọng Đạo</i>		600.000	600.000
<i>Công ty CP Sản xuất thương mại TQT</i>		6.000.000	6.000.000
<i>Phạm Tiến Long</i>		500.000	500.000
<i>Công ty Đại Việt</i>		31.360.000	31.360.000
<i>Công ty Việt Trung</i>		41.280.000	41.280.000
<i>Công ty SAMURAI</i>		25.000.000	25.000.000
<i>Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình</i>		10.000.000.000	-
<i>Tiền thanh lý nhà khu tập thể</i>		403.563.714	403.563.714
<i>Mr. Poon</i>		2.082.800.000	1.893.200.000
<i>Cổ tức phải trả cổ đông</i>		1.329.300	-
Dư có tài khoản tạm ứng		44.788.539	51.817.537
<i>Lê Công Đại</i>		3.402.900	3.813.500
<i>Nguyễn Văn Hà</i>		12.935.000	3.804.000
<i>Nguyễn Chu Hiền</i>		8.607.000	8.029.800
<i>Võ Lan Hương</i>		2.490.000	3.300.000
<i>Trần Lê Hùng</i>		-	3.460.000
<i>Ngô Quang Huy</i>		2.313.000	7.261.500
<i>Nguyễn Thế Hiếu</i>		5.171.000	2.025.000
<i>Nguyễn Thu Thảo</i>		5.268.035	846.803
<i>Trần Hải Chung</i>		3.001.104	-
<i>Đình Gia Vương</i>		-	5.277.400
<i>Đối tượng khác</i>		1.600.500	13.999.534
Tổng cộng		14.182.796.683	3.639.523.174
14. Vay và nợ dài hạn	Lãi suất	31/12/2011	01/01/2011
	(%/năm)	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>		458.744.080	918.744.080
<i>Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thành Đô (*)</i>	<i>16,50%</i>	<i>458.744.080</i>	<i>918.744.080</i>
Tổng cộng		458.744.080	918.744.080

(*) Theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 151/2009/924 ngày 14/12/2009, lãi suất 12%/năm, mục đích vay: đầu tư mua thiết bị in ba màu hoàn toàn tự động, 01 máy dán hòm giấy bán tự động và 01 xe nâng hàng bổ sung năng lực sản xuất bao bì. Tài sản đảm bảo: 01 máy bơm rãnh mục in ba màu hoàn toàn tự động, 01 xe nâng Komatsu FD25T-14556464. Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 151/2009/924 ngày 01/03/2010 và phụ lục số 151/2010/01 ngày 01/04/2011, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng 1 lần vào ngày làm việc đầu tiên của kỳ tiếp theo, bắt đầu từ tháng 04/2011. Hiện tại lãi suất là 16,5% và hàng tháng được hỗ trợ 4% lãi suất theo quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04/04/2009 của Chính phủ..

CÔNG TY CP DIỄM THÔNG NHẤT

Địa chỉ: Số 670 Ngõ Gia Tự - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội
 Tel: (84-4) 62 610 059 Fax: (84-4) 38 271 551

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2011

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	15.719.000.000	-	146.498.562	2.215.463.225	18.080.961.787
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	2.986.763.530	2.986.763.530
- Tăng khác	-	-	135.429.904	-	135.429.904
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(281.928.466)	(2.911.803.633)	(3.193.732.099)
Số dư tại ngày 31/12/2010	15.719.000.000	-	-	2.290.423.122	18.009.423.122
- Tăng vốn trong năm nay	4.281.000.000	240.000.000	-	-	4.521.000.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	3.036.488.015	3.036.488.015
- Tăng khác	-	-	114.990.060	-	114.990.060
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(382.539.721)	(382.539.721)
- Chia cổ tức	-	-	-	(2.200.660.000)	(2.200.660.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	20.000.000.000	240.000.000	114.990.060	2.743.711.416	23.098.701.476

Đơn vị tính: VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND		
Vốn góp của Nhà nước	4.429.830.000	3.929.600.000		
Vốn góp của đối tượng khác	15.570.170.000	11.789.400.000		
Tổng cộng	20.000.000.000	15.719.000.000		
15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
Vốn góp đầu năm	15.719.000.000	15.719.000.000		
Vốn góp tăng trong năm	4.281.000.000	-		
Vốn góp giảm trong năm	-	-		
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	15.719.000.000		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.200.660.000	2.043.470.000		
15.4 Cổ tức				
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:				
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:</i>				
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:</i>				
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:				
15.5 Cổ phiếu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.000.000	1.571.900		
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:				
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	2.000.000	1.571.900		
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	-	-		
Số lượng cổ phiếu được mua lại:				
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	-	-		
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	-	-		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:				
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	2.000.000	1.571.900		
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	-	-		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu				
15.6 Các quỹ của doanh nghiệp				
Khoản mục	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	2.926.558.246	95.825.086	-	3.022.383.332
Quỹ dự phòng tài chính	1.364.787.278	147.033.146	-	1.511.820.424
Tổng cộng	4.291.345.524	242.858.232	-	4.534.203.756

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty. Năm 2010 và 2011, kế toán trích lập tương ứng với phần ưu đãi thuế được hưởng.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	95.114.648.372	85.358.994.624
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.503.386.279	7.222.847.310
Tổng cộng	103.618.034.651	92.581.841.934
17. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hàng bán bị trả lại	12.334.802	19.190.894
Tổng cộng	12.334.802	19.190.894
18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	95.102.313.570	85.339.803.730
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	8.503.386.279	7.222.847.310
Tổng cộng	103.605.699.849	92.562.651.040
19. Giá vốn hàng bán	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng đã bán	82.646.687.807	74.083.614.971
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.114.494.086	1.915.677.260
Tổng cộng	84.761.181.893	75.999.292.231
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	257.453.036	264.679.705

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Lãi bán ngoại tệ	273.616.000	11.503.440
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	136.608.064	428.215.624
Tổng cộng	667.677.100	704.398.769
21. Chi phí tài chính	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	596.714.558	271.670.072
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	32.245.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.600.000	211.940.138
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	72.684.510	-
Chi phí tài chính khác	898.471	-
Tổng cộng	859.897.539	515.855.410
22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.197.880.698	57.846.934.549
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.525.289.076	55.862.764.795
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.672.591.622	1.984.169.754
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	668.147.906	496.042.439
Hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	99.353.635.210	35.613.115.260
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	98.075.967.387	34.344.017.112
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.277.667.823	1.269.098.148
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	319.416.956	317.274.537
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo TT134/2007	-	50%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo TT134/2007	-	158.637.269
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo TT154/2011	30%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo TT154/2011	95.825.087	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	223.591.869	158.637.268
Tổng chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	891.739.775	654.679.707
23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.920.033.324	61.345.400.415
Chi phí nhân công	26.717.277.483	23.286.270.037

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Chi phí khấu hao TSCĐ	3.107.005.850	3.078.141.349	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.828.175.153	6.957.725.562	
Chi phí khác bằng tiền	6.717.203.639	3.114.665.531	
Tổng cộng	96.289.695.449	97.782.202.894	
24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.036.488.015	2.986.763.530	
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-	
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.036.488.015	2.986.763.530	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.889.750	1.571.900	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.607	1.900	
VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
25. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND	
Tăng vốn bằng việc bù trừ tiền cổ tức của cổ đông	1.984.109.900	-	
VIII. Những thông tin khác			
1. Thông tin về các bên liên quan			
1.1. Giao dịch với các bên liên quan:	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<i>Doanh thu</i>			
Bán hàng cho Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Thành viên góp vốn	5.470.315.455	3.925.131.800
<i>Mua hàng</i>			
Mua hàng của Công ty CP Giấy Lửa Việt	Đầu tư dài hạn khác	255.828.650	428.701.200
1.2. Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm:	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND	
Lương	518.180.000	399.042.000	
Tổng cộng	518.180.000	399.042.000	

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

1.3 <i>Số dư với các bên liên quan</i>	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu			
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Thành viên góp vốn	1.574.478.400	1.173.280.900
Các khoản phải trả			
Công ty Cổ phần Giấy Lửa Việt	Công ty liên doanh	-	40.117.000
2. Những thông tin khác			
2.1 <i>Phải thu của khách hàng</i>		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty cổ phần 22		542.563.532	586.249.513
Công ty CP rượu bia NGK Aroma		746.072.473	495.896.859
Trần thị Bình		112.400.613	102.064.609
Công ty CP ứng dụng công nghệ truyền thông CTC		183.129.409	-
Công ty cổ phần CNP Đà Nẵng		156.799.201	108.309.801
Công ty TNHH Chế biến TP Đông Đô		159.146.680	-
Công ty TNHH Đông Tiến		153.913.401	145.913.400
Công ty TNHH một thành viên Dệt kim Đông Xuân		349.522.626	64.276.805
Công ty CP DV đường sắt -CN Lao cai		105.592.002	78.402.604
Công ty TM DV Hải Dương		101.872.802	-
Công ty cổ phần que hàn Hà Việt		156.666.805	49.571.830
Đậu Hoàng Anh		127.692.008	5
Công ty CP VPP Hồng Hà		233.944.339	203.491.242
Hồ Thị Vinh		142.950.516	74.014.913
Công ty Hương Vàng		230.260.800	-
CN Công ty CP Hữu Nghị Hà Nam		574.784.418	872.993.554
Công ty CP Thực phẩm Hữu Nghị		442.762.344	928.512.529
Công ty CP In hàng không		554.818.680	267.732.136
Nguyễn Kiều Oanh		105.751.753	9.072.552
Công ty cổ phần SXTM Legroup		466.825.674	212.322.632
Lê Thị Nhị		140.826.703	52.639.801
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô Machino		-	129.259.658
CTY CP May Diêm sai gòn		-	569.990.800
Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex		388.486.468	154.906.115
Công ty TNHH MTV Mỹ Lan		316.978.175	366.823.500
Công ty TNHH pha lê Việt Tiệp Thái Bình		342.791.582	-
Công ty Việt Nam Tabuchi Electric Co.Ltd		155.106.585	97.713.531
Tổng Công ty Giấy Việt Nam		1.574.478.400	1.173.280.900
Công ty CP phát triển Kinh doanh và truyền thông Việt		110.000.000	27.500.000
Công ty TNHH tư vấn sx giấy Hoàng Hà		289.195.370	-
Các đối tượng khác		9.599.518.263	6.843.996.916
Tổng cộng		18.564.851.622	13.614.936.205

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

2.2 Trả trước cho người bán	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Doanh nghiệp tư nhân Thượng Hải Phát	-	123.200.000
Công ty TNHH Gốm sứ cao cấp Gia Thịnh	50.515.000	-
Trường ĐH Kinh tế quốc dân - Khoa Marketing	16.000.000	-
Công ty CP đầu tư địa ốc Sông Hồng	2.000.000.000	-
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	43.257.500	-
Các đối tượng khác	19.764.889	679.043
Tổng cộng	2.129.537.389	123.879.043
2.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Tạm ứng</i>		
Nguyễn Văn Chế	566.744.383	402.050.883
Phạm Văn Định	16.360.000	-
Đỗ Khắc Hiếu	11.438.400	4.278.400
Cao Duy Hưng	10.000.000	-
Nguyễn Tiến Phương	1.610.358.629	458.254.271
Hoàng Ngọc Thanh	71.980.000	67.380.000
Trương Thuý Anh	10.000.000	6.970.000
Nguyễn Tiến Toàn	10.102.000	4.452.000
Các đối tượng khác	44.268.638	35.713.624
Tổng cộng	2.351.252.050	979.099.178
2.4 Phải trả người bán	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP chứng khoán TM&CN Việt Nam	-	30.000.000
Công ty CP dược phẩm Cửu Long	73.500.000	-
Công ty CP vận tải lắp máy Đại Quang	22.880.000	-
Điện lực Long Biên	-	66.111.570
Đỗ Thành Vượng	47.371.500	47.380.300
Công ty cổ phần Formach Hà Nội	40.000.000	40.000.000
XN giấy Đức Tiến	678.985.824	237.164.848
Công ty TNHH Giấy Hưng Hà	152.770.860	144.980.220
Công ty cổ phần giấy Lửa Việt	-	40.117.000
Công ty cổ phần giấy Mỹ Hương	-	51.171.450
Công ty TNHH CN giấy và SX bao bì Ngọc Diệp	41.878.944	-
Công ty CPSXTM Giấy Phong Châu	741.504.830	225.769.500
Hợp tác xã CP Thanh Hiếu	330.756.800	-
Xí nghiệp giấy Thành Tú	-	322.275.800

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Công ty cổ phần giấy Việt tri	899.128.395	990.096.087
Công ty TNHH GMB Việt Nam	-	1.458.600
Công ty CP xây dựng và TM Hải Yến	84.700.000	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Mãn Thành	30.976.000	-
Công ty TNHH tổng hợp Minh Hiền	196.022.750	-
Công ty cổ phần XNK ngành in SIC	93.516.500	24.337.500
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Đông Dương Hà Nội	49.896.000	9.229.000
Công ty CP BB Tân Thành Đồng II	72.930.000	-
Các đối tượng khác	322.922.724	969.954.241
Tổng cộng	3.879.741.127	3.200.046.116
2.5 Người mua trả tiền trước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Đông Nga	34.099.999	-
Lê thị Hồng Hoa	67.359.998	-
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Hương Sen	10.000.000	-
Công ty CP XNK Lâm Phúc	12.000.000	12.000.000
Công ty TNHH SX & TM Nam Sơn	30.102.219	-
Novotel Halongbay	11.000.000	-
Trần Thị Dân	23.223.998	-
Công ty CP Cơ khí Bắc Sơn	-	10.909.000
Công ty TNHH ĐTTM & SX điện -điện tử Việtnewtex	4.004.000	4.004.000
Các đối tượng khác	180.872.660	353.425.646
Tổng cộng	372.662.874	380.338.646
2.6 Chi phí bán hàng	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.563.514.297	2.031.493.784
Chi phí vật liệu, bao bì	564.408.620	415.444.546
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	26.256.745	95.837.154
Chi phí khấu hao TSCĐ	425.570.351	275.878.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.947.709.615	1.528.607.610
Chi phí bằng tiền khác	870.737.685	1.276.348.076
Tổng cộng	6.398.197.313	5.623.610.068
2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.273.688.972	2.632.244.894
Chi phí vật liệu quản lý	1.469.130	123.274.406
Chi phí đồ dùng văn phòng	238.179.799	394.484.742

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Chi phí khấu hao TSCĐ	239.411.244	306.013.089
Thuế, phí và lệ phí	1.505.434.098	1.174.492.407
Chi phí phụ trợ	-	490.863.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.538.428	406.255.562
Chi phí bằng tiền khác	2.007.246.547	2.130.763.103
Tổng cộng	8.605.968.218	7.658.392.190
2.8 Thu nhập khác	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	-	193.000.000
Hàng thanh lý	5.620.272	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	272.518.687	-
Tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng	3.968.345	-
Tổng cộng	282.107.304	193.000.000
2.9 Chi phí khác	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.011.500	21.456.673
Tổng cộng	2.011.500	21.456.673

2.10 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty CP Diêm Thống Nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

Kế toán trưởng



Ngô Thị Hằng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CP DIÊM THỐNG NHẤT

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hưng